

Bản án số: 52/2026/DS-ST

Ngày: 24-3-2026

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Hậu

2. Ông Huỳnh Đông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Như Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 93/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2026/QĐXX-ST ngày 19/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 336/2026/QĐST-DS ngày 09/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 365/2026/QĐST-DS ngày 27/02/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lâm Thị S, sinh năm 1954;

Địa chỉ: A, Tổ E, Khu phố B, phường B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Bảo N, sinh năm 1976;

Địa chỉ: K, đường B, Tổ G, khu phố B, phường B, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn bà Lâm Thị S trình bày:

Bà và bà Nguyễn Bảo N là chỗ quen biết, năm 2023 bà N có liên hệ và đề vay tiền của bà để làm ăn nên bà có cho bà N vay 80.000.000 đồng, vay bằng

tiền mặt, các bên thỏa thuận lãi suất 3.000.000đồng/tháng, thời gian vay là 24 tháng. Bà N có viết giấy vay nợ vào ngày 14/3/2023, trong giấy này ghi bà N thế chấp cho bà một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng thực tế bà N giữ chứ bà không giữ giấy tờ đất của bà N.

Kể từ thời điểm mượn tiền cho đến nay, bà N mới thanh toán cho bà số tiền 65.000.000 đồng và còn nợ số tiền 15.000.000 đồng. Từ ngày vay đến nay, bà N không thanh toán cho bà bất kỳ khoản tiền lãi nào.

Đến hạn trả nợ, bà nhiều lần liên hệ với bà N đề yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N cố tình trốn tránh, không chịu gặp mặt và không thanh toán tiền.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Bảo N thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền gốc là: 15.000.000 đồng và buộc bà Nguyễn Bảo N có trách nhiệm thanh toán khoản lãi quá hạn phát sinh từ ngày 15/3/2025 cho đến khi trả dứt khoản nợ vay, theo mức lãi suất quá hạn 20%/năm.

- Bị đơn bà Nguyễn Bảo N đã được Tòa án tổng đạt (niêm yết) hợp lệ lần thứ hai các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập làm việc, Thông báo về việc cung cấp tài liệu chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà, ... nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đồng Nai phát biểu ý kiến tại phiên toà:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện căn cứ vào giấy vay nợ đề ngày 14/3/2023 có chữ ký tên ghi Nguyễn Bảo N đề yêu cầu bị đơn bà N thực hiện nghĩa vụ trả tiền đã vay còn lại là 15.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 15/3/2025. Theo nội dung giấy vay nợ thể hiện thì đây là hợp đồng vay, có lãi, có thời hạn. Nội dung trong giấy vay nợ đủ căn cứ để xác định bị đơn có vay của nguyên đơn 80.000.000 đồng và còn nợ 15.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Nội dung và hình thức của hợp đồng tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lâm Thị S nộp đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Bảo N, địa chỉ: K, đường B, Tổ G, khu phố B, phường B, tỉnh Đồng Nai trả cho bà số tiền mà bà N đã vay, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 bà Lâm Thị S được xác định là nguyên đơn, bà Nguyễn Bảo N được xác định là bị đơn; quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; bị đơn cư trú tại phường B, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

[1.2] Về thủ tục tố tụng khác: Bị đơn bà Nguyễn Bảo N, địa chỉ: K, đường B, Tổ G, khu phố B, phường B, tỉnh Đồng Nai có đăng ký thường trú tại địa phương tại thời điểm xác minh ngày 06/01/2026 bà N vẫn đang sinh sống tại địa chỉ trên (bút lục 44), bị đơn đã được Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng để triệu tập đến Tòa án làm việc, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với khoản tiền vay gốc:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai của nguyên đơn trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ thu thập được tại hồ sơ thấy: Nguyên đơn là bà Lâm Thị S yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Bảo N thanh toán cho bà tổng số tiền gốc còn nợ là 15.000.000 đồng và buộc bà Nguyễn Bảo N có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 15/3/2025 cho đến khi trả dứt khoản nợ vay, theo mức lãi suất quá hạn 20%/năm. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra để yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vay là giấy vay nợ (bút lục: 40). Hội đồng xét thấy tại bản chính Giấy vay nợ thể hiện: Vào ngày 14/3/2023, bà Nguyễn Bảo N có vay của bà Lâm Thị S số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay là 24 tháng, lãi hàng tháng là 3.000.000

đồng, trả lãi vào ngày 15 hàng tháng, phần cuối giấy vay có chữ ký và ghi bên vay tên Nguyễn Bảo N. Việc xác lập giấy vay tiền là sự nguyện của bà N, nội dung không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực đối với các bên tham gia. Nguyên đơn cho rằng việc nhận tiền là bằng tiền mặt, không có biên bản giao nhận tiền, kể từ khi vay bị đơn đã trả cho nguyên đơn 65.000.000 đồng tiền gốc, bị đơn không trả bất kỳ khoản lãi nào cho nguyên đơn. Bị đơn không tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền của mình và bác bỏ các yêu cầu, chứng cứ của nguyên đơn đưa ra là tự từ bỏ quyền. Đối chiếu các tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn là phù hợp. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay 15.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với khoản lãi suất: Trong giấy vay nợ, về lãi suất các bên có thỏa thuận mỗi tháng bị đơn phải trả cho nguyên đơn 3.000.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, theo nguyên đơn trình bày, từ khi vay đến nay, bị đơn chưa trả lãi cho nguyên đơn nhưng do bị đơn khó khăn nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả lãi quá hạn với mức lãi suất 20%/năm từ ngày 15/3/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể, số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn tạm tính từ ngày 15/3/2025 đến ngày hết 24/3/2026 là: $(15.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%) \times 12 \text{ tháng} = 3.035.700 \text{ đồng}$. Vậy tổng cộng bà Nguyễn Bảo N phải trả cho nguyên đơn tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 18.035.700 đồng.

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập làm việc, Thông báo về việc cung cấp tài liệu chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa,... nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày là tự từ bỏ quyền của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tòa án thu thập giải quyết vụ án theo quy định.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 902.000 đồng.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, 157, 227, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 117, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết Số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị S đối với bị đơn bà Nguyễn Bảo N về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Bảo N trả cho bà Lâm Thị S số tiền nợ vay gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/3/2026 là 18.035.700 đồng (mười tám triệu, không trăm ba mươi lăm ngàn, bảy trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Bảo N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 902.000 đồng (chín trăm lẻ hai ngàn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- *Mẫu 52-NQ 01/2017.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký, đóng dấu)

